

Số: ~~4246~~ /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù  
vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/2009/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 10 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông báo số 247/TB-VPCP ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Văn Ninh tại cuộc họp Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Công văn số 2027-CV/VPTU ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Văn phòng Thành ủy truyền đạt ý kiến chỉ đạo của đồng chí Phó Bí thư Thường trực Thành ủy về việc giao Ủy ban nhân dân thành phố hoàn chỉnh, ký ban hành Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Công văn số 195/VPĐP ngày 19 tháng 5 năm 2016 và Công văn số 310/VPĐP-NV ngày 28 tháng 7 năm 2016 về việc hoàn thiện Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Nay ban hành Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 (theo phụ lục đính kèm).

Căn cứ tình hình thực tế, Bộ tiêu chí này sẽ được điều chỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của Thành phố vào từng thời kỳ.

**Điều 2.** Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện hướng dẫn và triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn liên quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- Ban CĐ CTXDNTM TW;
- Văn phòng Điều phối/Ban CĐ CTXDNTMTW;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- BCĐ của TU về CTXD NTM;
- BCĐ CTXDNTM các huyện: Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè, Cần Giờ;
- VPUB: các PVP; Các Phòng CV;
- Lưu: VT, (KT-M) MH 70.

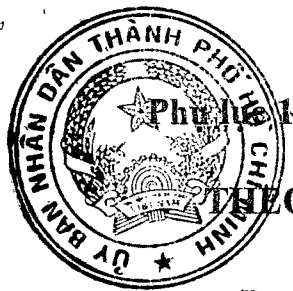
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH



Lê Thanh Liêm



# BỘ TIÊU CHÍ VỀ NÔNG THÔN MỚI THEO ĐẶC THÙ VÙNG NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4236/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2016  
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

## I. QUY HOẠCH

| Tên tiêu chí                        | Nội dung tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Chỉ tiêu chung | Đồng Nam bộ | TP.HCM | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Quy hoạch và thực hiện quy hoạch | Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường; Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp | Đạt            | Đạt         | Đạt    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cầm mốc chỉ giới;</li> <li>- Triển khai thực hiện quy hoạch (trong đó có quy hoạch cụm dân cư nông thôn gắn với nhà mẫu nông thôn);</li> <li>- Rà soát, điều chỉnh theo thực tiễn, đúng quy định, quan tâm quy hoạch sản xuất nông nghiệp.</li> </ul> |

## II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

| Tên tiêu chí  | Nội dung tiêu chí                                                                  | Chỉ tiêu chung | Đồng Nam bộ      | TP.HCM | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|---------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2. Giao thông | 2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được bê tông hóa đạt chuẩn                    | 100%           | 100%             | 100%   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục thực hiện theo Quyết định 2598/QĐ-UBND; Thực hiện đầu tư theo QĐ 20/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 và Quyết định 3558/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của UBND TP và các văn bản quy định chung. Đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công.</li> <li>- Đầu tư theo 3 loại danh mục:               <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Sửa chữa, duy tu các công trình đã đầu tư theo quy định.</li> <li>2. Đầu tư mới các công trình theo quy hoạch và điều kiện huy động nguồn vốn.</li> <li>3. Các tuyến đường &lt;500m vận động đầu tư theo Phong trào thi đua "Thành phố chung sức xây dựng nông thôn mới".</li> </ol> </li> </ul> |
|               | 2.2. Tỷ lệ km đường trục ấp, liên ấp, trục tổ được nhựa hóa hay bê tông xi măng    | 70%            | 100%             | 100%   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|               | 2.3. Tỷ lệ km đường tổ, hẻm được nhựa hóa hay bê tông xi măng                      | 100%           | 100%<br>cứng hóa | 100%   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|               | 2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cấp phối xe cơ giới đi lại thuận tiện | 65%            | 100%             | 100%   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 3. Thủy lợi   | Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh                      | Đạt            | Đạt              | Đạt    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa chữa, duy tu các công trình đã đầu tư, quản lý và xử lý nghiêm các hoạt động lấn chiếm làm thu hẹp dòng chảy.</li> <li>- Từng bước hoàn thiện quy hoạch phục vụ sản xuất nông nghiệp phù hợp với địa bàn từng huyện.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

| Tên tiêu chí                 | Nội dung tiêu chí                                                                                | Chỉ tiêu chung | Đông Nam bộ | TP.HCM | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4. Điện                      | 4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện                                       | Đạt            | Đạt         | Đạt    | Tuyên truyền cộng đồng ý thức sử dụng điện tiết kiệm; có sử dụng thiết bị tiết kiệm điện.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|                              | 4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn                                    | 98%            | 99%         | 100%   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 5. Trường học                | Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia | 80%            | 100%        | 100%   | + Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, Trung học cơ sở có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia đạt 100%<br>+ Đối với xã có Trường THPT, phải đạt chuẩn quốc gia.                                                                                                                                                                                                                                     |
| 6. Cơ sở vật chất văn hóa    | 6.1. Trung tâm văn hóa - thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL                                   | Đạt            | Đạt         | Đạt    | - Xây dựng theo quy hoạch của từng huyện, có thể theo cụm liên xã hoặc từng xã, nhưng phải đạt chuẩn theo quy định.<br>- Có bộ máy hoạt động hiệu quả theo Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân Thành phố.                                                                                                                                                                                     |
|                              | 6.2. Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa và khu thể thao ấp đạt quy định của Bộ VH-TT-DL                     | 100%           | 100%        | 100%   | Có văn phòng ban nhân dân ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa; vận động xã hội hóa trang thiết bị văn hóa, dụng cụ thể dục thể thao cho hoạt động Văn phòng ấp; có các câu lạc bộ, đội nhóm sinh hoạt thường kỳ, tham gia tốt các phong trào văn hóa, thể thao do xã phát động.                                                                                                                                    |
| 7. Chợ nông thôn             | Chợ theo quy hoạch, đạt chuẩn theo quy định                                                      | Đạt            | Đạt         | Đạt    | - Phát huy hoạt động có hiệu quả các chợ, xây dựng phương án quản lý và sử dụng chợ phù hợp quy định, xây dựng thương hiệu và quảng bá các sản phẩm đặc thù của từng địa phương.<br>- Có điểm bán hàng bình ổn tại xã hoặc điểm kinh doanh hàng bình ổn tại chợ theo quy hoạch.                                                                                                                                     |
| 8. Thông tin và Truyền thông | 8.1. Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông.                                                       | Đạt            | Đạt         | Đạt    | - Thực hiện duy tu, bảo dưỡng và nâng chất các điểm phục vụ bưu chính, viễn thông; nâng cấp chức năng Bưu điện văn hóa xã thành mô hình hoạt động Thư viện – Bưu điện văn hóa xã tại những vị trí phù hợp, đáp ứng nhu cầu văn hóa của nhân dân tại địa phương.<br>- Ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ cung cấp thông tin nông thôn mới (hệ thống Kios thông tin nông thôn mới, phương tiện truyền thông,...). |
|                              | 8.2. Có Internet đến ấp                                                                          | Đạt            | Đạt         | Đạt    | Có đài truyền thanh xã và hệ thống loa truyền thanh đến các ấp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 9. Nhà ở dân cư              | 9.1. Nhà tạm, dột nát                                                                            | Không          | Không       | Không  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                              | 9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng.                                               | 80%            | 90%         | 98%    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

### III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

| Tên tiêu chí                                  | Nội dung tiêu chí                                                                                  | Chỉ tiêu chung                         | Đồng Nam bộ                            | TP.HCM                         | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10. Thu nhập                                  | Thu nhập bình quân đầu người/năm so với mức bình quân chung của tỉnh<br>- 2012<br>- 2015<br>- 2020 | Triệu đồng/người/năm<br>18<br>26<br>44 | Triệu đồng/người/năm<br>24<br>34<br>62 | $\geq 63$ triệu đồng/người/năm |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 11. Hộ nghèo                                  | Tỷ lệ hộ nghèo                                                                                     | < 6%                                   | 3%                                     | Mỗi năm giảm bình quân 1%      | - Theo tiêu chí thu nhập bình quân 21 triệu đồng/người/năm và theo 5 chiều thiếu hụt về: giáo dục và đào tạo; Y tế; Việc làm và bảo hiểm xã hội; Điều kiện sống; Tiếp cận thông tin.<br>- Đến cuối năm 2020: thu nhập bình quân/người của hộ nghèo tăng gấp 3,5 lần so với năm 2011.<br>- Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn của Chương trình giảm nghèo bền vững Thành phố giai đoạn 2016-2020.                                                                                                                                                                      |
| 12. Tỷ lệ có việc làm trên lực lượng lao động | Tỷ số việc làm trên lực lượng lao động.                                                            | $\geq 90\%$                            | Đạt                                    | $\geq 95\%$                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 13. Hình thức tổ chức sản xuất                | Có Tổ hợp tác hoặc Hợp tác xã hoạt động có hiệu quả                                                | Có                                     | Có                                     | Có                             | - Tập trung phát triển nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại; xây dựng mỗi huyện có ít nhất 1 hợp tác xã điển hình tiên tiến hiện đại; tăng cường chuỗi liên kết cung ứng dịch vụ đầu vào và tiêu thụ nông sản.<br>- Ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao và công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp, xây dựng mô hình cánh đồng mẫu lớn theo Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Tiêu chí cánh đồng mẫu lớn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. |

### IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

| Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí                                                                              | Chỉ tiêu chung | Đồng Nam bộ | TP.HCM | Ghi chú                                                                                                                         |
|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 14. Giáo dục | 14.1. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở                                                         | Đạt            | Đạt         | Đạt    |                                                                                                                                 |
|              | 14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) | 85%            | 90%         | > 90%  |                                                                                                                                 |
|              | 14.3. Tỷ lệ LĐ qua đào tạo                                                                     | > 35%          | > 40%       | 85%    | Trong đó có 40% là lao động nữ.                                                                                                 |
|              | 14.4. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.                                                 |                |             | Đạt    |                                                                                                                                 |
|              | 14.5. Xóa mù chữ                                                                               |                |             | Đạt    | - 15 đến 60 tuổi: hết lớp 5.<br>- Nâng cao chất lượng Trung tâm học tập cộng đồng (có hoạt động bình quân ít nhất 8 lần/tháng). |

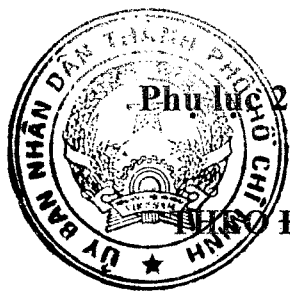
| Tên tiêu chí   | Nội dung tiêu chí                                                                                                 | Chỉ tiêu chung | Đồng Nam bộ | TP.HCM | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                  |
|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|--------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 15. Y tế       | 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế                                                                      | ≥70%           | Đạt         | ≥95%   |                                                                                                                                                                                                                          |
|                | 15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia                                                                                  | Đạt            | Đạt         | Đạt    | Tỷ lệ người dân khám, chữa bệnh, tiêm chủng dự phòng tại Trạm tăng bình quân 10%/năm.                                                                                                                                    |
| 16. Văn hóa    | Xã có từ 70% số thôn (ấp) trở lên đạt tiêu chuẩn thôn (ấp) VH theo quy định của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch. | Đạt            | Đạt         | Đạt    | Xã được công nhận đạt tiêu chí văn hóa khi có từ 70% số ấp trở lên đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa liên tục 03 năm.                                                                                                            |
| 17. Môi trường | 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia                                                     | 85%            | 90%         | 100%   |                                                                                                                                                                                                                          |
|                | 17.2. Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường. Các làng nghề đạt tiêu chuẩn về môi trường.                   | Đạt            | Đạt         | Đạt    | Tỷ lệ các cơ sở chăn nuôi được cấp phép có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh đạt 100%.                                                                                                                                   |
|                | 17.3. Không có các hoạt động suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp.       | Đạt            | Đạt         | Đạt    | Tỷ lệ các hộ xanh hóa tường rào: ≥20%.                                                                                                                                                                                   |
|                | 17.4. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch                                                                    | Đạt            | Đạt         | Đạt    |                                                                                                                                                                                                                          |
|                | 17.5. Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định                                                    | Đạt            | Đạt         | Đạt    | - Nâng cao chất lượng xử lý rác thải và nước thải; không xả rác thải ra đường, nước thải trực tiếp ra môi trường. Không có rác thải trước nhà, bãi rác tự phát.<br>- Tỷ lệ hộ có nhà tắm, nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 100%. |

#### V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

|                                                 |                                                                                              |     |     |     |                                                                             |
|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|-----|-----------------------------------------------------------------------------|
| 18. Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh | 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn; Có công chức xã chuyên trách về xây dựng nông thôn mới | Đạt | Đạt | Đạt | Có giấy chứng nhận đào tạo, bồi dưỡng về nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. |
|                                                 | 18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.                        | Đạt | Đạt | Đạt |                                                                             |
|                                                 | 18.3. Đảng bộ xã hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên                                             | Đạt | Đạt | Đạt |                                                                             |
|                                                 | 18.4. Chính quyền xã đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến trở lên                        | Đạt | Đạt | Đạt |                                                                             |
|                                                 | 18.5. Các tổ chức chính trị xã hội của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.               | Đạt | Đạt | Đạt |                                                                             |

| Tên tiêu chí                | Nội dung tiêu chí                     | Chỉ tiêu chung | Đông Nam bộ | TP.HCM | Ghi chú                                                                                                                                                               |
|-----------------------------|---------------------------------------|----------------|-------------|--------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 19. An ninh, trật tự xã hội | An ninh, trật tự xã hội được giữ vững | Đạt            | Đạt         | Đạt    | Phạm pháp hình sự kéo giảm từ 5 – 10%, án cướp và án trộm giảm từ 15 – 20%. Điều tra khám phá án đạt 70% trở lên số vụ phạm pháp hình sự, 90% trở lên số vụ trọng án. |

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Phụ lục 2

**BỘ TIÊU CHÍ VỀ NÔNG THÔN MỚI  
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ NÔNG THÔN MỚI  
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4296/QĐ-UBND  
ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**1. Những tiêu chí thực hiện theo Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có hướng dẫn bổ sung theo hướng nâng cao chất lượng tiêu chí (06 tiêu chí):**

- <sup>1</sup> Tiêu chí 1: Quy hoạch;
- <sup>2</sup> Tiêu chí 3: Thủy lợi;
- <sup>3</sup> Tiêu chí 4: Điện;
- <sup>4</sup> Tiêu chí 7: Chợ nông thôn;
- <sup>5</sup> Tiêu chí 13: Hình thức tổ chức sản xuất;
- <sup>6</sup> Tiêu chí 19: An ninh trật tự xã hội.

Trường hợp cần thiết, các Sở ngành liên quan căn cứ theo chức năng, có văn bản hướng dẫn rõ hơn trong quá trình triển khai thực hiện, thẩm định phê duyệt đề án và đánh giá kết quả. Cụ thể:

**1.1. Tiêu chí 1 – Quy hoạch:**

Nội dung tiêu chí căn cứ theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 10 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về NTM.

**Hướng dẫn thực hiện:**

- Cắm mốc chỉ giới;
- Triển khai thực hiện quy hoạch (trong đó có quy hoạch cụm dân cư nông thôn gắn với nhà mẫu nông thôn);
- Rà soát, điều chỉnh theo thực tiễn, đúng quy định, quan tâm quy hoạch sản xuất nông nghiệp.

**1.2. Tiêu chí 3: Thủy lợi:**

Nội dung tiêu chí thực hiện theo Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Hướng dẫn thực hiện:**

- Sửa chữa, duy tu các công trình đã đầu tư, quản lý và xử lý nghiêm các hoạt động lấn chiếm làm thu hẹp dòng chảy.
- Từng bước hoàn thiện quy hoạch phục vụ sản xuất nông nghiệp phù hợp với địa bàn từng huyện.

### **1.3. Tiêu chí 4: Điện:**

Nội dung tiêu chí thực hiện theo Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Hướng dẫn thực hiện:** Tuyên truyền cộng đồng ý thức sử dụng điện tiết kiệm; có sử dụng thiết bị tiết kiệm điện.

### **1.4. Tiêu chí 7: Chợ nông thôn:**

Nội dung tiêu chí thực hiện theo Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố.

#### **Hướng dẫn thực hiện:**

- Phát huy hoạt động có hiệu quả các chợ, xây dựng phương án quản lý và sử dụng chợ phù hợp quy định, xây dựng thương hiệu và quảng bá các sản phẩm đặc thù của từng địa phương.

- Có điểm bán hàng bình ổn tại xã hoặc điểm kinh doanh hàng bình ổn tại chợ theo quy hoạch.

### **1.5. Tiêu chí 13: Hình thức tổ chức sản xuất:**

Nội dung tiêu chí thực hiện theo Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố.

#### **Hướng dẫn thực hiện:**

- Tập trung phát triển nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại; xây dựng mỗi huyện có ít nhất 1 hợp tác xã điển hình tiên tiến hiện đại; tăng cường chuỗi liên kết cung ứng dịch vụ đầu vào và tiêu thụ nông sản.

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao và công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp, xây dựng mô hình cánh đồng mẫu lớn theo Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Tiêu chí cánh đồng mẫu lớn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **1.6. Tiêu chí 19: An ninh trật tự xã hội:**

Nội dung tiêu chí thực hiện theo Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Hướng dẫn thực hiện:** Kiểm chế và kéo giảm phạm pháp hình sự trên dân số thực tế tại địa bàn đến năm 2020 so với cuối năm 2015. Phần đầu nâng tỷ lệ khám phá phạm pháp hình sự và số lượng chuyên án các loại được khám phá năm sau cao hơn năm trước, nhất là án cướp, cướp giật, trộm cắp tài sản, trong đó án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng khám phá đạt trên 90%, án trộm tài sản đạt trên 55%.

**2. Những tiêu chí điều chỉnh nội dung, hướng dẫn thực hiện nhằm nâng cao chất lượng (13 tiêu chí):**

- <sup>1</sup>Tiêu chí 2: Giao thông;
- <sup>2</sup>Tiêu chí 5: Trường học;

- <sup>3</sup>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa;
- <sup>4</sup>Tiêu chí 8: Thông tin và Truyền thông<sup>1</sup>;
- <sup>5</sup>Tiêu chí 9: Nhà ở dân cư;
- <sup>6</sup>Tiêu chí 10: Thu nhập;
- <sup>7</sup>Tiêu chí 11: Hộ nghèo;
- <sup>8</sup>Tiêu chí 12: Tỷ lệ có việc làm trên lực lượng lao động<sup>2</sup>;
- <sup>9</sup>Tiêu chí 14: Giáo dục;
- <sup>10</sup>Tiêu chí 15: Y tế;
- <sup>11</sup>Tiêu chí 16: Văn hóa;
- <sup>12</sup>Tiêu chí 17: Môi trường;
- <sup>13</sup>Tiêu chí 18: Hệ thống tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh.

### **Nội dung điều chỉnh và hướng dẫn bổ sung của các tiêu chí**

#### **2.1. Tiêu chí 2: Giao thông:**

**Lý do điều chỉnh:** Nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí đã đạt; đầu tư bổ sung theo quy hoạch.

#### **Nội dung tiêu chí điều chỉnh:**

+ Chỉ tiêu 2.2: “tỷ lệ km đường trục ấp, liên ấp, trục tổ được nhựa hóa hay bê tông xi măng”.

+ Chỉ tiêu 2.3: “ tỷ lệ km đường tổ, hẻm được nhựa hóa hay bê tông xi măng”.

#### **Hướng dẫn thực hiện:**

- Tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 2598/QĐ-UBND; thực hiện đầu tư theo Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 và Quyết định số 3558/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố và các văn bản quy định chung. Đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

- Đầu tư theo 3 loại danh mục:

1. Sửa chữa, duy tu các công trình đã đầu tư theo quy định.
2. Đầu tư mới các công trình theo quy hoạch và điều kiện huy động nguồn vốn.
3. Các tuyến đường <500m vận động đầu tư theo Phong trào thi đua “Thành phố chung sức xây dựng nông thôn mới”.

<sup>1</sup> Đổi tên tiêu chí Bưu điện.

<sup>2</sup> Đổi tên tiêu chí Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên.

## **2.2. Tiêu chí 5: Trường học:**

**Lý do điều chỉnh:** Nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí đã đạt.

**Hướng dẫn thực hiện:**

- + Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, Trung học cơ sở có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia đạt 100%
- + Đối với xã có Trường THPT, phải đạt chuẩn quốc gia.

## **2.3. Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa:**

**Lý do điều chỉnh:**

- Cơ sở pháp lý: Căn cứ Quyết định số 4360/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố.
- Nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí đã đạt.

**Hướng dẫn thực hiện:**

Chỉ tiêu 6.1:

- Xây dựng theo quy hoạch của từng huyện, có thể theo cụm liên xã hoặc từng xã, nhưng phải đạt chuẩn theo quy định.
- Có bộ máy hoạt động hiệu quả theo Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân thành phố.

Chỉ tiêu 6.2: Có văn phòng ban nhân dân áp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa; vận động xã hội hóa trang thiết bị văn hóa, dụng cụ thể dục thể thao cho hoạt động Văn phòng ấp; có các câu lạc bộ, đội nhóm sinh hoạt thường kỳ, tham gia tốt các phong trào văn hóa, thể thao do xã phát động.

## **2.4. Tiêu chí 8: Thông tin và Truyền thông:**

**Lý do điều chỉnh:** Nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí đã đạt.

**Hướng dẫn thực hiện:**

Hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 8.1:

- Thực hiện duy tu, bảo dưỡng và nâng chất các điểm phục vụ bưu chính, viễn thông; nâng cấp chức năng Bưu điện văn hóa xã thành mô hình hoạt động Thư viện – Bưu điện văn hóa xã tại những vị trí phù hợp, đáp ứng nhu cầu văn hóa của nhân dân tại địa phương;
- Ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ cung cấp thông tin nông thôn mới (hệ thống Kios thông tin nông thôn mới, phương tiện truyền thông,...).

Hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 8.2: Có đài truyền thanh xã và hệ thống loa truyền thanh đến các ấp.

## **2.5. Tiêu chí 9: Nhà ở dân cư:**

**Lý do điều chỉnh:** Nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí nhà ở dân cư.

**Nội dung tiêu chí điều chỉnh:** Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng đạt 98% (nâng mức tỷ lệ đạt chuẩn chỉ tiêu từ 95% lên 98%).

## **2.6. Tiêu chí 10: Thu nhập:**

### **Lý do điều chỉnh:**

Căn cứ kết quả điều tra thu nhập hộ gia đình tại 56 xã xây dựng nông thôn mới công bố tháng 6 năm 2015: cuối năm 2014 thu nhập khu vực nông thôn là 39,72 triệu đồng/người/năm; tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân/năm giai đoạn 2010-2014 là 14,4%; dự kiến tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân/năm giai đoạn 2015-2020 trong khoảng 10-15% (thu nhập bình quân khu vực nông thôn đến năm 2020 trong khoảng 60 đến 93 triệu đồng/người/năm) và trên cơ sở đề xuất của Cục Thống kê thành phố Hồ Chí Minh.

**Nội dung tiêu chí điều chỉnh:** Thu nhập bình quân/người/năm đến năm 2020 đạt  $\geq 63$  triệu đồng/người/năm.

## **2.7. Tiêu chí 11: Hộ nghèo:**

### **Lý do điều chỉnh:**

Cơ sở pháp lý: Thực hiện theo Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

**Nội dung tiêu chí điều chỉnh:** Mỗi năm giảm bình quân 1%

### **Hướng dẫn thực hiện:**

- Theo tiêu chí thu nhập bình quân 21 triệu đồng/người/năm và theo 5 chiều thiếu hụt về: giáo dục và đào tạo; Y tế; Việc làm và bảo hiểm xã hội; Điều kiện sống; Tiếp cận thông tin.

- Đến cuối năm 2020: thu nhập bình quân/người của hộ nghèo tăng gấp 3,5 lần so với năm 2011.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn của Chương trình giảm nghèo bền vững Thành phố giai đoạn 2016-2020.

## **2.8. Tiêu chí 12: Tỷ lệ có việc làm trên lực lượng lao động:**

**Lý do điều chỉnh:** Nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí đã đạt.

**Nội dung tiêu chí điều chỉnh:** Điều chỉnh nội hàm: Tỷ số việc làm trên lực lượng lao động đạt 95% (nâng mức tỷ lệ đạt chuẩn chỉ tiêu từ  $\geq 90\%$  lên  $\geq 95\%$ ).

## **2.9. Tiêu chí 14: Giáo dục:**

### **Lý do điều chỉnh:**

- Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 5506/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2013 và Quyết định số 5696/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí đã đạt.

**Nội dung tiêu chí điều chỉnh:** Chỉ tiêu 14.3: Tỷ lệ Lao động đã qua đào tạo nghề đạt 85% trên tổng số lao động làm việc

**Hướng dẫn thực hiện:**

Chỉ tiêu 14.5 Xóa mù chữ:

- 15 đến 60 tuổi: hết lớp 5.
- Nâng cao chất lượng Trung tâm học tập cộng đồng (có hoạt động bình quân ít nhất 8 lần/tháng)

**2.10. Tiêu chí 15: Y tế:**

**Lý do điều chỉnh:** Nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí đã đạt.

**Nội dung tiêu chí điều chỉnh:** Chỉ tiêu 15.1: Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế:  $\geq 95\%$

**Hướng dẫn thực hiện:** Chỉ tiêu 15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia: Tỷ lệ người dân khám, chữa bệnh, tiêm chủng dự phòng tại Trạm tăng bình quân 10%/năm.

**2.11. Tiêu chí 16: Văn hóa:**

**Lý do điều chỉnh:** Nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí đã đạt.

**Hướng dẫn thực hiện:** Xã được công nhận đạt tiêu chí văn hóa khi có từ 70% số ấp trở lên đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa liên tục 03 năm.

**2.12. Tiêu chí 17: Môi trường:**

**Lý do điều chỉnh:**

- Cơ sở pháp lý: căn cứ Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh năm 2014 quyết nghị: tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia đạt 100%.

- Nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí đã đạt.

**Nội dung tiêu chí điều chỉnh:**

- Chỉ tiêu 17.1: tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia: 100%

- Chỉ tiêu 17.2: Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường. Các làng nghề đạt tiêu chuẩn về môi trường.

**Hướng dẫn thực hiện:**

- Chỉ tiêu 17.2: Tỷ lệ các cơ sở chăn nuôi được cấp phép có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh đạt 100%.

- Chỉ tiêu 17.5:

+ Nâng cao chất lượng xử lý rác thải và nước thải; không xả rác thải ra đường, nước thải trực tiếp ra môi trường. Không có rác thải trước nhà, bãi rác tự phát.

+ Tỷ lệ hộ có nhà tắm, nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 100%

### **2.13. Tiêu chí 18: Hệ thống tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh:**

#### **Lý do điều chỉnh:**

- Cơ sở pháp lý: Để phù hợp với quy định của Luật Cán bộ, công chức; Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW ngày 11 tháng 10 năm 2011, Hướng dẫn 27-HD/BTCTW ngày 25 tháng 9 năm 2014 của Ban Tổ chức Trung ương; Kế hoạch số 121-KH/TU ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1996/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí đã đạt.

#### **Nội dung tiêu chí điều chỉnh:**

- Chỉ tiêu 18.1: Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn; Có công chức xã chuyên trách về xây dựng nông thôn mới.

- Tách và điều chỉnh chỉ tiêu 18.3. thành 2 chỉ tiêu: 18.3. Đảng bộ xã hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và 18.4. Chính quyền xã đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến trở lên.

- Điều chỉnh chỉ tiêu 18.4. thành chỉ tiêu 18.5. Các tổ chức chính trị xã hội của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.

**Hướng dẫn thực hiện:** chỉ tiêu 18.1: Có giấy chứng nhận đào tạo, bồi dưỡng về nông thôn mới giai đoạn 2016-2020./.

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**